

## THU NHẬP VÀ SỨC KHỎE TÂM THẦN CỦA NHÂN VIÊN Y TẾ TẠI BỆNH VIỆN NHI ĐỒNG 2, TP. HỒ CHÍ MINH TRONG ĐẠI DỊCH COVID-19: NGHIÊN CỨU CẮT NGANG

● Trần Thị Diệu<sup>1\*</sup> ● Nguyễn Minh Ngọc<sup>2</sup> ● Đặng Minh Xuân<sup>2</sup> ● Phạm Văn Hậu<sup>3</sup>

<sup>1</sup> Bệnh viện Đại học Y Dược Tp. Hồ Chí Minh - Cơ sở 2

<sup>2</sup> Bệnh viện Nhi Đồng 2

<sup>3</sup> Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng

### TÓM TẮT

*Mục tiêu: Khảo sát ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 đối với thu nhập và sức khỏe tâm thần của nhân viên y tế tại Bệnh viện Nhi Đồng 2, Tp. Hồ Chí Minh. Phương pháp: Nghiên cứu cắt ngang bằng bộ câu hỏi có cấu trúc khảo sát online vào tháng 02/2022. Kết quả: Nghiên cứu khảo sát 506 NVYT đang công tác tại Bệnh viện Nhi Đồng 2, trong đó có 76,48% nữ giới và 23,52% nam giới. 45,85% NVYT có thu nhập trung bình hàng tháng giảm từ 20 – 40%, 43,28% NVYT có thu nhập trung bình hàng tháng giảm từ 40 – 60%, 6,52% NVYT có thu nhập trung bình hàng tháng giảm 60 – 80%, 2,96% NVYT có thu nhập trung bình hàng tháng giảm < 20%, 0,79% NVYT có thu nhập trung bình hàng tháng giảm ≥ 80% và 0,59% NVYT thu nhập trung bình hàng tháng không thay đổi. Tỷ lệ giảm thu nhập của NVYT trong thời gian Tp. Hồ Chí Minh thực hiện giãn cách xã hội bị ảnh hưởng bởi trình độ chuyên môn, học vị và tình trạng nhà/khu phố NVYT đang sống có bị phong tỏa hay không. Tỷ lệ NVYT có tình trạng sức khỏe tâm thần bất thường chung là 17,19%, trong đó 9,88% NVYT trầm cảm, 14,23% NVYT có tình trạng lo âu và 4,55% NVYT có tình trạng stress. NVYT đang mắc bệnh hoặc cảm thấy bị kỳ thị về nghề nghiệp của mình có xác suất có các vấn đề về sức khỏe tâm thần cao hơn những NVYT khác. Kết luận: Hầu hết nhân viên y tế có thu nhập trung bình hàng tháng giảm từ 20% trở lên so với trước khi đại dịch COVID-19 xuất hiện, trong đó thu nhập trung bình hàng tháng của NVYT giảm từ 20 – 40% chiếm 45,85%, thu nhập giảm từ 40 – 60% chiếm 43,28% NVYT. Tỷ lệ NVYT có tình trạng sức khỏe tâm thần bất thường chung là 17,19%, Trong đó 9,88% NVYT trầm cảm, 14,23% NVYT có tình trạng lo âu, 4,55% NVYT có tình trạng stress.*

**Từ khóa:** tác động thu nhập, tác động sức khỏe tâm thần, đại dịch COVID-19

## INCOME AND MENTAL HEALTH OF HEALTHCARE WORKERS OF CHILDREN'S HOSPITAL 2, HO CHI MINH CITY: A CROSS-SECTIONAL SURVEY

● Tran Thi Dieu\* ● Nguyen Minh Ngoc ● Dang Minh Xuan ● Pham Van Hau

### ABSTRACT

*Objective: Survey impact of the COVID-19 pandemic on the income and mental health of health workers at Children's Hospital 2. Methods: Cross-sectional study using online structure questionnaire on 02/2022. Results: The study surveyed 506 health workers working at Children's Hospital 2, including 76.48% female and 23.52% male. 45.85% of health workers have average monthly income*

\* Tác giả liên hệ: Trần Thị Diệu, Email: tranthidieu702@gmail.com

(Ngày nhận bài: 12/10/2022; Ngày nhận bản sửa: 29/10/2022; Ngày duyệt đăng: 10/11/2022)

reduced by 20-40%, 43.28% of health workers have average monthly income reduced from 40 to 60%, 6.52% of health workers have average monthly income reduced from 60 to 80%, 2.96% of health workers have average monthly income reduced < 20%, 0.79% of health workers have average monthly income reduced  $\geq$  80% and 0.59% of health workers have the average monthly income not changed. The rate of income reduction of health workers during the time when Ho Chi Minh City implements social distancing is affected by professional qualifications, academic degrees and the house/neighborhood which the health worker is living in blocked down or not. The percentage of health workers with abnormal mental health is 17.19%, in which 9.88% of health workers are depressed, 14.23% of health workers are anxiety and 4.55% of health workers are stress. Health workers who are sick or feel stigmatized about their profession are probability to have mental health problems than other health workers. Conclusion: Most healthcare workers have their average monthly income reduced by 20% or more compared to before the COVID-19 pandemic appeared, in which the average monthly income of health workers reduced by 20-40% is 45, 85%, income reduced from 40 to 60% is 43.28% of health workers. The percentage of health workers with abnormal mental health is 17.19%, in which 9.88% of health workers are depressed, 14.23% of health workers are anxiety and 4.55% of health workers are stress

**Keywords:** income impact, mental health impact, COVID-19 pandemic

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đại dịch COVID-19 gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe và kinh tế trên toàn thế giới. Nhân viên y tế (NVYT) và nhất là NVYT trực tiếp tại tuyến đầu là những người có nguy cơ cao khi thường xuyên tiếp xúc với bệnh nhân COVID-19 và phải đối mặt với nhiều áp lực trong cuộc sống và công việc đã gây ảnh hưởng không nhỏ đến sức khỏe tinh thần của NVYT.

Đại dịch COVID-19 còn gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến nền kinh tế của toàn thế giới ở hầu hết các ngành nghề, kể cả ngành y. Hiệp hội các bệnh viện Hoa Kỳ ước tính doanh thu tại các bệnh viện và hệ thống y tế của Hoa Kỳ sụt giảm 202,5 tỷ đô la hoặc trung bình 50,7 tỷ đô la mỗi tháng. Hơn thế nữa, ở các quốc gia có thu nhập trung bình và thấp, doanh thu này còn sụt giảm hơn, khoảng 52 tỷ đô la mỗi tháng [1]. Một số nghiên cứu ghi nhận thu nhập của NVYT ở tất cả các chuyên ngành đều bị giảm đáng kể [2].

Tại Việt Nam các nghiên cứu về tác động của đại dịch COVID-19 đối với thu nhập, sức khỏe tâm thần của nhân viên y tế còn hạn chế. Vì vậy, nghiên cứu: “Tác động của đại dịch COVID-19 đối với thu nhập và sức khỏe tâm thần của nhân viên y tế tại Bệnh viện Nhi Đồng 2, Tp. Hồ Chí Minh” được triển khai nhằm cung cấp những bằng chứng khoa học về những gánh nặng về vật chất và tinh thần mà NVYT phải gánh chịu trong đại dịch COVID-19 để các nhà quản lý nhà nước và quản lý y tế tham khảo trong việc đề ra những chính sách, chiến lược lâu dài và hiệu quả để hỗ trợ, bảo vệ và duy trì lực lượng nhân viên y tế trong công cuộc phòng chống đại dịch cũng như những hoàn cảnh mà xã hội xáo trộn nghiêm trọng.

## 2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

- Thiết kế nghiên cứu cắt ngang.
- Phiếu thu thập thông tin được xây dựng trên google form và đường dẫn phiếu thu thập thông tin được gửi qua zalo cá nhân của các nhân viên y tế được chọn trong tháng 02 năm 2022.
- Bộ câu hỏi thu thập số liệu được xây dựng trên cơ sở tham khảo bộ câu hỏi từ nghiên cứu của Asnakew về đánh giá tác động của đại dịch COVID-19 đối với nhân viên y tế và bổ sung thêm thông tin về thu nhập và thang đo sức khỏe tâm thần (DASS 21).

- Số liệu được xử lý bằng phần mềm R
- Nghiên cứu đã được sự chấp thuận của Hội đồng Khoa học và Y đức, Bệnh Viện Nhi Đồng 2 phê duyệt.

### 3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

#### 3.1. Đặc điểm chung

**Bảng 1.** Đặc điểm chung của đối tượng (n=506)

| Đặc điểm mẫu                                       |                | Tần số (n) | Tỷ lệ (%) |
|--|----------------|------------|-----------|
| <b>Giới tính</b>                                   |                |            |           |
|  | Nữ             | 387        | 76,48     |
|  | Nam            | 119        | 23,52     |
| <b>Tuổi* (36,09 ± 7,63)</b>                        |                |            |           |
|  | <25 tuổi       | 4          | 0,79      |
|  | 25 – 30 tuổi   | 115        | 22,73     |
|  | 31 – 40 tuổi   | 271        | 53,56     |
|  | 41 – 50 tuổi   | 74         | 14,62     |
|  | ≥ 50 tuổi      | 42         | 8,3       |
| <b>Chuyên môn</b>                                  |                |            |           |
|  | Bác sĩ         | 118        | 23,32     |
|  | Dược sĩ        | 17         | 3,36      |
|  | Điều dưỡng     | 259        | 51,19     |
|  | Kỹ thuật viên  | 59         | 11,66     |
|  | Nhân viên khác | 53         | 10,47     |
| <b>Học vị</b>                                      |                |            |           |
|  | Sơ cấp         | 2          | 0,4       |
|  | Trung cấp      | 137        | 27,08     |
|  | Cao đẳng       | 58         | 11,46     |
|  | Đại học        | 226        | 44,66     |
|  | ThS/BS.CKI     | 67         | 13,24     |
|  | TS/BS.CKII     | 16         | 3,16      |
| <b>Tình trạng sức khỏe hiện tại</b>                |                |            |           |
|  | Đang mắc bệnh  | 59         | 11,66     |
|  | Khỏe mạnh      | 447        | 88,34     |
| <b>Tiền sử gia đình có người mắc bệnh mãn tính</b> |                |            |           |
|  | Có             | 207        | 40,91     |
|  | Không          | 299        | 59,09     |

| <b>Trong đợt dịch thứ 4*, nhà/khu phố đang sống bị phong tỏa</b> |       |     |       |
|--|-------|-----|-------|
|  | Có    | 252 | 49,80 |
|  | Không | 254 | 50,20 |

Tổng số nhân viên y tế tham gia nghiên cứu là 506 người với độ tuổi trung bình là  $36,09 \pm 7,63$  tuổi, trong đó nữ giới chiếm tỷ lệ là 76,48% cao hơn so với nhân viên y tế là nam giới (23,52%).

Về trình độ chuyên môn của NVYT, điều dưỡng chiếm tỷ lệ cao nhất với 51,19%, kế đến là bác sĩ với 23,32%, kỹ thuật viên với 11,66%, nhân viên khác là 10,47% và thấp nhất là dược sĩ với 3,36%. Tỷ lệ này tương đồng với nghiên cứu tác động của đại dịch COVID-19 đến sức khỏe tâm thần của nhân viên y tế tại bệnh viện tuyến Trung ương năm 2020 [3] với 46,1% điều dưỡng, 27,9% bác sĩ, 8,0% kỹ thuật viên và 18,0% nhân viên khác. Trong nghiên cứu của chúng tôi, có 44,66% nhân viên y tế có trình độ đại học, trung cấp với 27,08%, cao học và bác sĩ chuyên khoa 1 là 13,24%, trình độ cao đẳng là 11,46%, chiếm tỷ lệ thấp nhất là trình độ tiến sĩ và bác sĩ chuyên khoa 2 với 3,16%.

Nhân viên y tế tham gia nghiên cứu có tình trạng sức khỏe hiện tại là khỏe mạnh với 88,34% và 40,91% nhân viên y tế trong gia đình có người mắc bệnh mãn tính.

### 3.2. Tỷ lệ phần trăm thu nhập trung bình hàng tháng của nhân viên y tế giảm so với trước khi đại dịch COVID-19 xuất hiện

**Bảng 2.** Tỷ lệ thu nhập của nhân viên y tế giảm so với trước khi đại dịch COVID-19 xuất hiện

| <b>Thu nhập giảm</b> | <b>Tần số (n)</b> | <b>Tỷ lệ (%)</b> |
|----------------------|-------------------|------------------|
| 0%                   | 3                 | 0,59             |
| < 20%                | 15                | 2,96             |
| 20 – 40%             | 232               | 45,85            |
| 40 – 60%             | 219               | 43,28            |
| 60 – 80%             | 33                | 6,52             |
| ≥ 80%                | 4                 | 0,79             |

So với thu nhập trung bình hàng tháng trước khi đại dịch COVID-19 xuất hiện, 45,85% nhân viên y tế có thu nhập trung bình hàng tháng giảm từ 20 – 40%, 43,28% nhân viên y tế có thu nhập trung bình hàng tháng giảm từ 40 – 60%, 6,52% nhân viên y tế có thu nhập trung bình hàng tháng giảm 60 – 80%, 2,96% nhân viên y tế có thu nhập trung bình hàng tháng giảm < 20%, 0,79% nhân viên y tế có thu nhập trung bình hàng tháng giảm ≥ 80% và 0,59% nhân viên y tế có thu nhập trung bình hàng tháng không thay đổi.

### 3.3. Sức khỏe tâm thần của nhân viên y tế trong đại dịch

**Bảng 3.** Tình trạng sức khỏe tâm thần của nhân viên y tế

| <b>Sức khỏe tâm thần</b> | <b>Tần số (n)</b> | <b>Tỷ lệ %</b> |
|--------------------------|-------------------|----------------|
| Khỏe mạnh                | 419               | 82,81          |
| Bất thường               | 87                | 17,19          |

| Trầm cảm |             |     |       |
|----------|-------------|-----|-------|
|          | Bình thường | 456 | 90,12 |
|          | Nhẹ         | 33  | 6,52  |
|          | Vừa         | 15  | 2,96  |
|          | Nặng        | 2   | 0,4   |
|          | Rất nặng    | 0   | 0     |
| Lo âu    |             |     |       |
|          | Bình thường | 434 | 85,77 |
|          | Nhẹ         | 29  | 5,73  |
|          | Vừa         | 35  | 6,92  |
|          | Nặng        | 4   | 0,79  |
|          | Rất nặng    | 4   | 0,79  |
| Stress   |             |     |       |
|          | Bình thường | 483 | 95,45 |
|          | Nhẹ         | 18  | 3,56  |
|          | Vừa         | 5   | 0,99  |
|          | Nặng        | 0   | 0     |
|          | Rất nặng    | 0   | 0     |

Theo thang đo có 17,19% nhân viên y tế có tình trạng trầm cảm, lo âu và stress. Trong đó có 6,52% nhân viên y tế trầm cảm nhẹ, 2,96% nhân viên y tế trầm cảm vừa và 0,4% nhân viên y tế trầm cảm nặng. Lo âu vừa ở nhân viên y tế có tỷ lệ cao nhất 6,92%, kế đến là lo âu nhẹ với 5,73% và 0,79% là lo âu rất nặng. 3,56% nhân viên y tế stress nhẹ và 0,99% nhân viên có stress vừa. Tỷ lệ này thấp hơn so với nghiên cứu tác động tâm lý xã hội của đại dịch COVID-19 đối với nhân viên y tế ở Trung Quốc [5] với 24,2% nhân viên y tế gặp phải các vấn đề tâm lý từ khi dịch COVID-19 bùng phát. Tỷ lệ nhân viên y tế có vấn đề sức khỏe tâm thần trong nghiên cứu của chúng tôi tương đồng với nghiên cứu tác động của đại dịch COVID-19 với sức khỏe tâm thần của nhân viên y tế tại một bệnh viện tuyến Trung ương năm 2020 [3] (9,6% có vấn đề sức khỏe tâm thần cần quan tâm, 8,8% có ảnh hưởng lâu dài trong nhiều năm và 2,8% được chẩn đoán có tình trạng căng thẳng).

### 3.4. Mối liên quan về giảm thu nhập và sức khỏe tâm thần của nhân viên y tế

#### 3.4.1. Mối liên quan về giảm thu nhập

**Bảng 4.** Mối liên quan về giảm thu nhập

| Đặc điểm mẫu     | Giảm thu nhập (%) |       |          |          |          |       | P value |
|------------------|-------------------|-------|----------|----------|----------|-------|---------|
|                  | 0                 | < 20% | 20 – 40% | 40 – 60% | 60 – 80% | ≥ 80% |         |
| <b>Giới tính</b> |                   |       |          |          |          |       |         |
| Nam              | 0,84              | 0,84  | 46,22    | 42,02    | 8,40     | 1,68  | 0,32    |
| Nữ               | 0,52              | 3,62  | 45,74    | 43,67    | 5,94     | 0,52  |         |

| <b>Tuổi</b>  |      |      |       |       |       |      |                         |
|--|------|------|-------|-------|-------|------|-------------------------|
| <25 tuổi   | 0    | 0    | 75,00 | 25,00 | 0     | 0    | 0,86                    |
| 25 – 30 tuổi   | 0    | 5,22 | 40,00 | 46,09 | 7,83  | 0,87 |                         |
| 31 – 40 tuổi   | 0,74 | 2,21 | 49,08 | 40,96 | 6,27  | 0,74 |                         |
| 41 – 50 tuổi   | 1,35 | 1,35 | 43,24 | 50,00 | 4,05  | 0    |                         |
| ≥50 tuổi   | 0    | 4,76 | 42,86 | 40,48 | 9,52  | 2,38 |                         |
| <b>Chuyên môn</b>  |      |      |       |       |       |      |                         |
| Bác sĩ   | 0,85 | 4,24 | 26,27 | 51,69 | 14,41 | 4,24 | 2,22 x 10 <sup>-5</sup> |
| Dược sĩ  | 5,88 | 0    | 47,06 | 47,06 | 0     | 0    |                         |
| Điều dưỡng   | 0,39 | 2,70 | 55,21 | 36,68 | 4,63  | 0,39 |                         |
| Kỹ thuật viên  | 0    | 0    | 40,68 | 55,93 | 3,39  | 0    |                         |
| NV khác  | 0    | 5,66 | 49,06 | 41,51 | 3,77  | 0    |                         |
| <b>Học vị</b>  |      |      |       |       |       |      |                         |
|  |      |      |       |       |       |      | 0,05                    |
| Sơ cấp   | 0    | 0    | 0     | 100   | 0     | 0    |                         |
| Trung cấp  | 0    | 3,65 | 53,28 | 36,50 | 5,84  | 0,73 |                         |
| Cao đẳng   | 0    | 0    | 55,17 | 39,66 | 5,17  | 0    |                         |
| Đại học  | 0,88 | 2,65 | 47,79 | 44,25 | 3,98  | 0,44 |                         |
| ThS/BS. CKI  | 1,49 | 5,97 | 20,90 | 53,73 | 16,42 | 1,49 |                         |
| TS/BS. CKII  | 0    | 0    | 31,25 | 50,00 | 12,5  | 6,25 |                         |
| <b>Tình trạng sức khỏe hiện tại</b>                              |      |      |       |       |       |      |                         |
|  |      |      |       |       |       |      | 0,44                    |
| Đang mắc bệnh  | 1,69 | 3,39 | 47,46 | 42,37 | 3,39  | 1,69 |                         |
| Khỏe mạnh  | 0,45 | 2,91 | 45,64 | 43,40 | 6,94  | 0,67 |                         |
| <b>Tiền sử gia đình có người mắc bệnh mãn tính</b>               |      |      |       |       |       |      |                         |
|  |      |      |       |       |       |      | 0,96                    |
| Có   | 0,48 | 2,90 | 44,44 | 45,41 | 5,80  | 0,97 |                         |
| Không  | 0,67 | 3,01 | 46,82 | 41,81 | 7,02  | 0,67 |                         |
| <b>Trong đợt dịch thứ 4*, nhà/khu phố đang sống bị phong tỏa</b> |      |      |       |       |       |      |                         |
|  |      |      |       |       |       |      | 0,06                    |
| Có   | 0,40 | 1,59 | 45,63 | 42,86 | 9,13  | 0,40 |                         |
| Không  | 0,79 | 4,33 | 46,06 | 43,70 | 3,94  | 1,18 |                         |

*Chi-squared test*

Trong thời gian Tp. Hồ Chí Minh thực hiện giãn cách xã hội, thu nhập của nhân viên y tế đều giảm so với trước khi đại dịch xảy ra. Ngoài thu nhập trung bình hàng tháng từ các hoạt động trong ngành y tế, nhân viên y tế còn có các khoản thu nhập khác từ nhiều hoạt động ngoài ngành y nên tỷ lệ giảm thu nhập của nhân viên y tế có trình độ chuyên môn khác nhau cũng khác nhau và không ổn định ở các nhóm. Ở nhóm nhân viên y tế có thu nhập hàng tháng không bị giảm, dược sĩ chiếm tỷ lệ cao nhất với 5,88%, kể đến là bác sĩ 0,85% và điều dưỡng là 0,39%. Nhóm nhân viên y tế có thu

nhập hàng tháng giảm < 20% chiếm tỷ lệ cao nhất là nhân viên khác với 5,66%, bác sĩ 4,24% và điều dưỡng 2,7%. Nhóm nhân viên y tế có thu nhập hàng tháng giảm 20 – 40% điều dưỡng có tỷ lệ giảm cao nhất với 55,21%, kể đến là nhân viên khác 49,06%, dược sĩ 47,06%, kỹ thuật viên 40,68% và bác sĩ có tỷ lệ thấp nhất với 26,27%. Nhóm nhân viên y tế có thu nhập hàng tháng giảm 40 – 60% kỹ thuật viên có tỷ lệ giảm cao nhất với 55,93%, bác sĩ 51,69%, dược sĩ 47,06%, nhân viên khác 41,51% và thấp nhất là điều dưỡng với 36,68%. Nhóm nhân viên y tế có thu nhập hàng tháng giảm 60 – 80% bác sĩ có tỷ lệ giảm cao nhất với 14,41%, điều dưỡng 4,63%, nhân viên khác 3,77% và kỹ thuật viên là 3,39%. 4,24% bác sĩ và 0,39% điều dưỡng có thu nhập hàng tháng giảm  $\geq$  80%. Sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê ( $p < 0,001$ ). Tuy nhiên, theo nghiên cứu về nhân viên y tế ở Brazil trong đại dịch COVID-19 [2] thu nhập của nhân viên y tế trong đại dịch COVID-19 bị giảm đáng kể ở tất cả các nhóm chuyên môn và duy trì một tỷ lệ chênh lệch giữa các nhóm trong thời gian đại dịch.

Bên cạnh đó, tỷ lệ giảm thu nhập trung bình hàng tháng của nhân viên y tế cũng bị ảnh hưởng bởi học vị của họ. Học vị của nhân viên y tế càng cao thì tỷ lệ giảm thu nhập trung bình hàng tháng càng cao. Trong đợt dịch thứ 4, nhân viên y tế có tiếp xúc với trường hợp nhiễm COVID-19 hoặc nhà/khu phố đang sống bị phong tỏa đều có ảnh hưởng đến tỷ lệ giảm thu nhập hàng tháng. Điều này phù hợp với tình hình xã hội trong thời gian gian đại dịch diễn biến phức tạp, mọi hoạt động kinh tế bị đình trệ.

Ngoài ra, các đặc điểm nhân khẩu học khác, môi trường xã hội, môi trường làm việc, tiền sử bản thân và gia đình không ảnh hưởng đến tỷ lệ giảm thu nhập của nhân viên y tế trong thời gian đại dịch.

#### 3.4.2. Mối liên quan về sức khỏe tâm thần

**Bảng 5.** Mối liên quan về sức khỏe tâm thần

| Đặc điểm nhân khẩu học | Sức khỏe tâm thần<br>Tần số (Tỷ lệ %) |       | P value |
|------------------------|---------------------------------------|-------|---------|
|                        | Có                                    | Không |         |
| <b>Giới tính</b>       |                                       |       |         |
| Nữ                     | 16,28                                 | 83,72 | 0,33    |
| Nam                    | 20,17                                 | 79,83 |         |
| <b>Tuổi</b>            |                                       |       |         |
| <25 tuổi               | 25,0                                  | 75,0  | 0,88    |
| 25 – 30 tuổi           | 19,13                                 | 80,87 |         |
| 31 – 40 tuổi           | 16,24                                 | 83,76 |         |
| 41 – 50 tuổi           | 17,57                                 | 82,43 |         |
| $\geq$ 50 tuổi         | 16,67                                 | 83,33 |         |
| <b>Chuyên môn</b>      |                                       |       |         |
| Bác sĩ                 | 15,25                                 | 84,75 | 0,57    |
| Dược sĩ                | 11,76                                 | 88,24 |         |
| Điều dưỡng             | 16,22                                 | 83,78 |         |
| Kỹ thuật viên          | 22,03                                 | 77,97 |         |
| Nhân viên khác         | 22,64                                 | 77,36 |         |

|  |       |       |                         |
|--|-------|-------|-------------------------|
| <b>Tình trạng sức khỏe hiện tại</b>                              |       |       | 0,003                   |
| Đang mắc bệnh  | 32,20 | 67,80 |                         |
| Khỏe mạnh  | 15,21 | 84,79 |                         |
| <b>Tình trạng sức khỏe tâm thần</b>                              |       |       | 0,28                    |
| Đã hoặc đang mắc bệnh tâm thần                                   | 33,33 | 66,67 |                         |
| Khỏe mạnh  | 17,00 | 83,00 |                         |
| <b>Tiền sử gia đình có người mắc bệnh mãn tính</b>               |       |       | 0,05                    |
| Có   | 21,26 | 78,74 |                         |
| Không  | 14,38 | 85,62 |                         |
| <b>Trong đợt dịch thứ 4*, nhà/khu phố đang sống bị phong tỏa</b> |       |       | 0,19                    |
| Có   | 19,44 | 80,56 |                         |
| Không  | 14,96 | 85,04 |                         |
| <b>Bị kỳ thị về nghề nghiệp</b>                                  |       |       | 3,43 x 10 <sup>-8</sup> |
| Có   | 30,95 | 69,05 |                         |
| Không  | 10,36 | 89,64 |                         |

#### *Chi-squared test*

Trước diễn biến phức tạp của tình hình đại dịch COVID-19, xã hội lo lắng và sợ bị nhiễm bệnh khi chưa có vắc xin và thuốc điều trị đặc hiệu, bao gồm cả nhân viên y tế và gia đình. Bên cạnh công việc điều trị thường quy, nhân viên y tế còn phải tham gia công tác phòng chống dịch ở nhiều hoạt động khác nhau bất kể ngày đêm càng làm cho nhân viên y tế lo lắng nhiều hơn về nguy cơ nhiễm COVID-19. Đặc biệt, nhân viên y tế hiện đang mắc bệnh có tỷ lệ các vấn đề về sức khỏe tâm thần là 32,20% cao hơn nhân viên y tế hiện đang khỏe mạnh là 15,21% ( $p < 0,05$ ). Nhân viên y tế trong gia đình có tiền sử mắc bệnh mãn tính có tỷ lệ các vấn đề về sức khỏe tâm thần (21,26%) cao hơn nhân viên y tế gia đình không có tiền sử mắc bệnh mãn tính (14,38%). Sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê (với  $p < 0,1$ ). Ngoài ra, nhân viên y tế cảm thấy bị xã hội kỳ thị về nghề nghiệp của mình có tỷ lệ các vấn đề về sức khỏe tâm thần (30,95%) cao hơn nhân viên y tế không cảm thấy bị kỳ thị về nghề nghiệp của mình (10,36%). Sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê (với  $p < 0,001$ ).

#### **4. KẾT LUẬN**

Khảo sát online 506 nhân viên đang công tác tại Bệnh viện Nhi Đồng 2, TP. HCM vào tháng 2 năm 2022 bằng bộ câu hỏi có cấu trúc ghi nhận:

Thu nhập trung bình hàng tháng của nhân viên y tế bị giảm so với trước khi đại dịch COVID-19, trong đó thu nhập trung bình hàng tháng giảm từ 20 – 40% chiếm 45,85% và thu nhập giảm từ 40 – 60% chiếm 43,28%.

Nhân viên y tế có tình trạng sức khỏe tâm thần bất thường chung là 17,19%, Trong đó 9,88% NVYT trầm cảm, 14,23% NVYT có tình trạng lo âu, 4,55% NVYT có tình trạng stress.



**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- [1] A.D. Kaye, C.N. Okeagu, A.D. Pham ... H. Liu, “*Economic Impact of COVID-19 Pandemic on Health Care Facilities and Systems: International Perspectives*” Best Practice & Research Clinical Anaesthesiology, pp16-22, 2020. DOI: 10.1016/j.bpa.2020.11.009
- [2] P. Cotrin, W. Moura, C.M. Gambardela-Tkacz ... K.M.S.Freitas. “*Healthcare workers in Brazil during the COVID-19 pandemic: a cross-sectional online survey*”. The Journal of Health Care Organization, Provision, and Financing, Vol.57, pp.1-11, 2020. DOI: 10.1177/0046958020963711.
- [3] N.T.Thảo, L.T.T.Xuân, N.H.Hoàng ... N.T.Quỳnh, “Tác động của đại dịch COVID-19 đến sức khỏe tâm thần của nhân viên y tế tại một số Bệnh viện tuyến Trung ương năm 2020”, *Tạp chí Nghiên cứu Y học*, Tập 8, Số 144, tr.361-369, 2021.
- [4] S.Asnakew, H. Amha & T. Kassew. “*Mental Health Adverse Effects of COVID-19 Pandemic on Health Care Workers in North West Ethiopia: A Multicenter Cross-Sectional Study*”. Neuropsychiatric Disease and Treatment, Vol.17, pp.1375, 2021. DOI: 10.2147/NDT.S306300.
- [5] Z. Dong, J. Ma, Y. Hao ... L. Zhang, “*The social psychological impact of the COVID-19 pandemic on medical staff in China: A cross-sectional study*”. European Psychiatry, Vol.63, pp.65, 2020.